

Bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2017

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Sửu

Ông Giáp Đình Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam

Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Kiều N, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 21/3/2017, bản tự khai ngày 05/4/2017 và Biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2017 thì nguyên đơn là chị Phạm Thị Kiều N trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn P ngày 04 tháng 01 năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng bình thường được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ đầu năm 2016 đến

nay không còn quan tâm và cũng không có trách nhiệm với nhau. Thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: chị và anh P có 01 con chung là Nguyễn Văn D, sinh ngày 26/5/2013 hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: chị không yêu cầu xem xét giải quyết;

Tại phiên tòa: chị N giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn, được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn D, sinh ngày 26/5/2013 và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn P hiện đang đi làm tại địa phương khác. Khi đi làm cũng không thông báo cho chị N và gia đình biết địa chỉ cụ thể. Mẹ đẻ anh P là bà Nguyễn Thị H đã nhận và cam kết giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh P. Anh P cũng không có bản tự khai và cũng không đến Tòa án để lấy lời khai theo án định.

Tại phiên tòa: anh P vắng mặt;

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đảm bảo theo quy định.

Về nội dung: đề nghị xử cho chị N ly hôn với anh P và giao cho chị N nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn D, sinh ngày 26/5/2013. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N và buộc chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến đề nghị của đương sự, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: ngày 05 tháng 4 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung của chị Phạm Thị Kiều N với bị đơn là anh Nguyễn Văn P có địa chỉ tại thôn Đ, xã N là theo đúng quy định về quan hệ tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con và quy định về thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị N thuộc Tòa án nhân dân huyện Tân Yên là nơi cư trú của bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về việc xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn P:

Anh Nguyễn Văn P tuy không trực tiếp nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa nhưng đã được mẹ đẻ là bà

Nguyễn Thị H nhận thay và đã cam kết thông báo cho anh P. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh P là phù với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Kiều N và anh Nguyễn Văn P kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2013 ngày 04 tháng 01 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã N nên hôn nhân giữa chị N và anh P là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định của pháp luật. Đầu năm 2016, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc và không có trách nhiệm với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N xin ly hôn với anh P.

Tuy anh P không có ý kiến về việc chị N xin ly hôn nhưng qua xác minh thu thập đối với bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ anh P, với các tổ chức đoàn thể tại thôn Đ nơi anh P đang sinh sống thì thấy vợ chồng chị N và anh P không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2016 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã triệu tập hòa giải 02 lần nhưng anh P đều không có mặt. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị N để xử cho chị N được ly hôn với anh P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

[4] Về con chung: vợ chồng chị N, anh P có 01 con chung là Nguyễn Văn D, sinh ngày 26/5/2013 hiện đang ở với chị N. Chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Xét về điều kiện hiện nay của chị N, hiện đang làm nghề kinh doanh, buôn bán với gia đình, thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N để giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do chị N tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc anh P phải cấp dưỡng nuôi con với chị N là theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Sau khi ly hôn, anh P được quyền thăm nom con chung. Chị N và gia đình không được cản trở anh P thực hiện quyền thăm nom con chung theo quy định;

[5] Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: do chị N, anh P đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết;

[6] Về án phí: chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Kiều N được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

2. Về nuôi con chung: giao con chung Nguyễn Văn D, sinh ngày 26/5/2013 cho chị Phạm Thị Kiều N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Sau khi ly hôn, anh P được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này.

3. Về án phí: chị Phạm Thị Kiều N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0003598 ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM,
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Lý